

**Trường Tiểu Học Nguyễn Bá Ngọc**

**Đề kiểm tra học kì 1**  
**Môn: Toán lớp 2**  
**Năm học: 2015 - 2016**  
**Thời gian 40 phút**

**I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm):**

Em hãy chọn và khoanh tròn chữ cái A, B, C, D trước kết quả đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1 (0,5 điểm): Số 95 đọc là:

- A. Chín năm                      B. Chín lăm  
C. Chín mươi năm              D. Chín mươi lăm

Câu 2 (0,5 điểm): Số liền trước của 89 là:

- A. 80                      B. 90                      C. 88                      D. 87

Câu 3 (0,5 điểm): Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 98                      B. 99                      C. 11                      D. 10

Câu 4: (0,5 điểm)  $14 + 2 = \dots$  Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 16                      B. 20                      C. 26                      D. 24

Câu 5: (0,5 điểm) Trong phép trừ:  $56 - 23 = 33$ , số 56 gọi là:

- A. Số hạng                      B. Hiệu                      C. Số bị trừ                      D. Số trừ

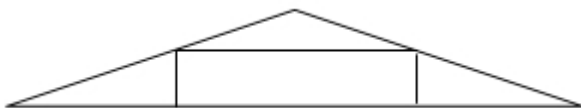
Câu 6: (0,5 điểm) Số thích hợp để điền vào ô trống trong phép tính:  $98 - \dots = 90$  là:

- A. 8                      B. 9                      C. 10                      D. 7

Câu 7: (1 điểm)  $2\text{dm } 3\text{cm} = \dots\text{cm}$

- A. 32 cm                      B. 23 cm                      C. 203 cm                      D. 230 cm

Câu 8: (1 điểm) Hình bên có mấy hình tam giác?



- A. 2 hình
- B. 3 hình
- C. 4 hình

Câu 9 (1điểm): Trong một phép trừ, biết hiệu là số bé nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số của nó bằng 6, số trừ bằng 68. Số bị trừ là:

- A. 73
- B. 83
- C. 53
- D. 37

## II- PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm):

Bài 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

$$64 + 27 \qquad 70 - 52 \qquad 47 + 39 \qquad 100 - 28$$

Bài 3 (2 điểm): Khối lớp Hai có 94 học sinh. Khối lớp Ba có ít hơn khối lớp Hai 16 học sinh. Hỏi khối lớp Ba có bao nhiêu học sinh?

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI HẾT KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 2

### I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm):

Câu 1 đến câu 6 mỗi câu khoanh tròn đúng được 0,5 điểm

Câu 7, 8, 9 mỗi câu khoanh tròn đúng được 1 điểm.

| Câu    | 1   | 2   | 3   | 4   | 5   | 6   | 7 | 8 | 9 |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|---|---|---|
| Đáp án | D   | A   | B   | A   | C   | A   | B | C | B |
| điểm   | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1 | 1 | 1 |

### II- PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm):

Bài 1: Đặt tính rồi tính: (2 điểm): Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm.

| $64 + 27$ | $70 - 52$ | $47 + 39$ | $100 - 28$ |
|-----------|-----------|-----------|------------|
| 64        | 70        | 47        | 100        |
| +         | -         | +         | -          |
| 27        | 52        | 39        | 28         |
| 91        | 18        | 86        | 72         |

Bài 3: (2đ)

Tóm tắt ( 0,5đ) (TT bằng lời hoặc bằng sơ đồ)

Khối lớp Hai: 94 học sinh

Khối lớp Ba có ít hơn khối lớp 2: 16 học sinh

Khối lớp Ba: ... học sinh?

Bài giải

Khối lớp Ba có số học sinh là: (0,5đ)

$94 - 16 = 78$  (học sinh) (0,5 đ)

Đáp số: 78 học sinh (0,5đ)

Trường Tiểu Học Nguyễn Bá Ngọc

**Đề kiểm tra học kì 1**  
**Môn: Tiếng Việt lớp 2**  
**Thời gian làm bài 70 phút**

A. Kiểm tra kĩ năng đọc và kiến thức tiếng Việt

Cho văn bản sau:

Sự tích cây vú sữa

1. Ngày xưa, có một cậu bé ham chơi. Một lần, bị mẹ mắng, cậu vùng vằng bỏ đi. Cậu la cà khắp nơi, chẳng nghĩ đến mẹ ở nhà mãi chờ mong.

2. Không biết cậu đi đã bao lâu. Một hôm, vừa đói vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh, cậu mới nhớ đến mẹ, liền tìm đường về nhà.

Ở nhà, cảnh vật vẫn như xưa, nhưng không thấy mẹ đâu. Cậu khản tiếng gọi mẹ, rồi ôm lấy một cây xanh trong vườn mà khóc. Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, lớn nhanh, da căng mịn, xanh óng ánh, rồi chín. Một quả rơi vào lòng cậu. Mãi cậu vừa chạm vào, một dòng sữa trắng trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.

Cậu nhìn lên tán lá. Lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu bé òa khóc. Cây xòa cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về.

3. Trái cây thơm ngon ở vườn nhà cậu bé, ai cũng thích. Họ đem hạt gieo trồng khắp nơi và gọi đó là cây vú sữa.

Theo Ngọc Châu

1. (1,5đ) Đọc thành tiếng: Đọc một trong ba đoạn văn của văn bản.

2. Đọc thầm và làm bài tập (4,5 đ; khoảng 15 – 20 phút):

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Vì sao cậu bé bỏ nhà ra đi?

- a) Cậu bé ham chơi, bị mẹ mắng, vùng vằng bỏ đi.
- b) Cậu thích đi chơi xa.
- c) Cậu bé ham chơi.

Câu 2: Cậu bé làm gì khi trở về nhà mà không thấy mẹ?

- a) Đi tìm mẹ khắp nơi.
- b) Ngồi ở vườn đợi mẹ.
- c) Khản tiếng gọi mẹ rồi ôm lấy một cây xanh trong vườn mà khóc.

Câu 3: Câu “Cậu bé ôm lấy cây xanh trong vườn mà khóc.” thuộc kiểu câu nào?

- a) Ai là gì?
- b) Ai làm gì?
- c) Ai thế nào?

Câu 4: Bộ phận in nghiêng trong câu : “Cảnh vật ở nhà vẫn như xưa” trả lời cho câu hỏi:

- a) là gì?
- b) thế nào?
- c) làm gì?

Câu 5: Từ chỉ hoạt động trong câu: “Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy.” là từ:

- a) kì lạ
- b) cây xanh
- c) run rẩy

Câu 6: Từ chỉ đặc điểm trong câu: “Một dòng sữa trắng trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.” là từ:

- a) sữa
- b) trào ra
- c) trắng

Câu 7: Em hãy đặt một câu kiểu Ai thế nào nói về đặc điểm một bạn trong lớp:

B. PHẦN VIẾT MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2: (Học sinh viết trên giấy ô li).

1. Chính tả: (Nghe viết): (15 phút)

Bài: Bông hoa Niềm Vui (Sách hướng dẫn Tiếng Việt 2- Tập 1B – Trang 44)

Mới sáng tinh mơ, Chi đã vào vườn hoa của trường. Em đến tìm những bông cúc màu xanh, được cả lớp gọi là hoa Niềm Vui. Bố của Chi đang nằm bệnh viện. Em muốn đem tặng bố một bông hoa Niềm Vui để bố dịu cơn đau.

## 2. Tập làm văn: (25 phút)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về những người thân trong gia đình em.

Gợi ý:

- Nhà em có những ai?
- Cha, mẹ, anh hoặc chị, em của em thường làm gì cho em?
- Em yêu quý ai nhất

## ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI -LỚP 2

### A. KIỂM TRA ĐỌC (6 điểm)

I. Đọc thành tiếng (1,5 điểm):

II. Đọc hiểu: (4,5 điểm): Từ câu 1-câu 6 khoanh vào mỗi ý đúng được 0,5 điểm

Câu 7: Đặt được câu được 1,5 đ.

| 1   | 2   | 3   | 4   | 5   | 6   | 7                                                                  |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|--------------------------------------------------------------------|
| A   | C   | B   | B   | C   | C   | HS đặt câu theo kiểu Ai thế nào?<br>VD: Bạn Minh Thư rất chăm học. |
| 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1,5                                                                |

### B. KIỂM TRA VIẾT: (4 điểm)

1. Chính tả: (2 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng hình thức đoạn văn: 2 điểm.
- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai phụ âm đầu, vần, thanh, không viết hoa đúng quy định) trừ 0,25 điểm. (Nếu nhiều lỗi sai giống nhau thì chỉ trừ điểm một lần).
- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ, trình bày bản, thì trừ 0,25 điểm toàn bài.

II. Tập làm văn: (2 điểm)

- Học sinh viết được đoạn văn từ 4 đến 5 câu đúng nội dung: 1,5 điểm
- Viết đúng ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả, trình bày sạch: 0,5 điểm.